

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM  
NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 03/CBTT

V/v: Công bố thông tin BCTC

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm

2018

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty Công ty Cổ phần Lilama 45.4
2. Mã chứng khoán: L44
3. Địa chỉ trụ sở chính: Xa lộ Hà Nội – Bình Đa – Biên Hòa - Đồng Nai
4. Điện thoại: 0251.3838.188 Fax: 0251.3838008
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Phan Thị Thanh Thủy**  
(Giấy ủy quyền số 41/CT-KTTC ký ngày 11/08/2017)

6. Nội dung thông tin công bố:

- 6.1 Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của Công ty CP Lilama 45.4 lập ngày 22 tháng 03 năm 2018 gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC
  - 6.2 Giải trình chênh lệch số liệu tài chính tại BCTC quý 4 năm 2017 do Công ty CP Lilama 45.4 lập so với số liệu tài chính tại BCTC kiểm toán năm 2017
  - 6.3- Nội dung giải trình chênh lệch lợi nhuận so với cùng kỳ năm ngoái.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán và nội dung giải trình....: [www.lilama454.com.vn](http://www.lilama454.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu



**Phan Thị Thanh Thủy**

Số: 09 /CT-KTTC

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2018

V/v: Giải trình chênh lệch KQKD

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ thông tư 155/2015/TT-BTC, ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2015 Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Công ty Cổ phần Lilama 45.4 (Mã CK: L44) giải trình chênh lệch lợi nhuận giữa năm 2016 và năm 2017 trên Báo cáo tài chính như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2016: (26.370.726.918) đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2017: (113.314.983.646) đồng
- Chênh lệch: (86.944.256.728) đồng

Nguyên nhân:

1/ *Tình hình SXKD trong năm:*

- ✓ Các hợp đồng đã thực hiện và quyết toán xong thì thu hồi vốn chậm. Tài chính của Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu xếp nguồn vốn phục vụ sản xuất, ảnh hưởng đến doanh thu thực hiện của một số công trình không đạt như dự kiến đề ra.
- ✓ Một số công trình đã thực hiện xong đang tiến hành quyết toán, công việc mất nhiều thời gian và phụ thuộc vào Chủ đầu tư/Nhà thầu chính như Thủy điện Vĩnh Hà, Nhà máy nước Thủ Đức, Lọc dầu Nghi Sơn...
- ✓ Một số công trình tiến độ thi công kéo dài, công tác nghiệm thu chậm (Thủy điện Thác Mơ mở rộng, Thủy điện Sông Bung 2...)

2/ *Kết chuyển lãi kỳ trước vào lỗ trong kỳ này.*

- ✓ Do việc xác định khối lượng thực hiện dở dang các kỳ trước đối với một số công trình có thời gian thi công kéo dài nhiều năm chưa sát với thực tế mỗi kỳ nên kết quả SXKD kỳ trước có lãi. Trong kỳ này tiến hành quyết toán khối lượng thực hiện hoàn thành giảm so với dự toán do Chủ đầu tư thẩm định lại giá..., tiến độ một số công trình kéo dài so với thời gian thỏa thuận trong hợp đồng chi phí chờ việc tăng cao.
- ✓ Kết chuyển chi phí dở dang của một số công trình trong kỳ trước (do xác định không đúng khối lượng dở dang cuối kỳ) vào kỳ này để xử lý và tiến hành thực hiện phương án tái cấu trúc tài chính của Công ty (Theo tờ trình số 01/TT-HĐQT ngày 28/06/2017 đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017)

Công ty cổ phần Lilama 45.4 báo cáo với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các cổ đông được biết.

Nơi nhận:

- UBCKNN
- Sở GDCK Hà Nội
- Lưu



**Tổng Giám Đốc**  
*Phan Cao Viên*

Số: 10 /CT- KTTC

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2018

V/v: Giải trình chênh lệch KQKD

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ thông tư 155/2015/TT-BTC, ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2015 Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Công ty Cổ phần Lilama 45.4 (Mã CK: L44) giải trình chênh lệch lợi nhuận năm 2016 giữa Báo cáo tài chính do Công ty lập và Báo cáo tài chính được kiểm toán như sau:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 - Công ty lập: (112.420.912.553)đ
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 - Kiểm toán lập: (113.314.983.646)đ
- Chênh lệch tăng: (894.071.093)đ

Nguyên nhân chênh lệch tăng:

**I- Số liệu Công ty lập:**

Lợi nhuận sau thuế TNDN (112.420.912.553)đ

**II- Số liệu sau Kiểm toán:**

1- Lợi nhuận trước thuế: (113.314.983.646)đ

**Giải trình**

**1. Tăng chi phí giảm lợi nhuận: 937.906.055đ**

- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (N TK 131): 726.200.280đ
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá tài khoản tiền gửi USD: 217.563đ
- Bổ sung lãi vay phải trả: 211.488.212đ

**2. Tăng lợi nhuận: 43.834.962đ**

- Đánh giá chênh lệch tỷ giá nợ phải thu ngoại tệ: 43.834.962đ

**Tổng hợp số liệu**

43.834.962 đ – 937.906.055 đ = (894.071.093)đ

Nơi nhận:

- UBCKNN
- Sở GDCK Hà Nội
- Lưu Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4



**Tổng Giám Đốc**  
*Phan Cao Viên*

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	02 - 03
<b>Báo cáo Kiểm toán độc lập:</b>	04 - 05
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 21



## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

Địa chỉ: Xa lộ Hà Nội, P. Bình Đa, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.4 (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

#### KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần Lilama 45.4 là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.4. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3600255703 ngày 14/8/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/9/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 là 40.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 4.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

Cổ đông	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Vốn góp của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP	1.402.346	14.023.460.000	35,06 %
Vốn góp của cổ đông khác	2.597.654	25.976.540.000	64,94 %
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty triển khai thực hiện nghị quyết HĐQT số 01/HĐQT ngày 29/01/2018 về kế hoạch sản xuất quý I năm 2018 và triển khai kế hoạch tái cấu trúc Công ty theo Tờ trình số 01/TTr- HĐQT ngày 28/6/2017 về việc thông qua phương án tái cấu trúc công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, và Biên bản thỏa thuận ngày 20/10/2017 với công ty mua bán nợ Việt nam (DATC)

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

##### Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Nguyễn Bá Sừng	Chủ tịch	
Bà Phan Thị Thanh Thủy	Thành viên	
Ông Hồ Phước Vĩnh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/6/2017
Ông Vũ Thế Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/6/2017
Ông Hoàng Văn Hà	Thành viên	
Ông Hoàng Văn Dư	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/6/2017
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/6/2017

##### Các thành viên Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Phan Cao Viên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/08/2017
Ông Hoàng Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Tạ Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Bá Sừng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/08/2017
Ông Phan Cao Viên	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/08/2017
Bà Phan Thị Thanh Thủy	Kế toán trưởng	

## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

Địa chỉ: Xã lộ Hà Nội, P. Bình Đa, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

### Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Ông Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng ban	
Ông Lê Minh Thiện	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/6/2017
Bà Trần Huyền Thương Thương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/6/2017

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, công nợ phải thu phải trả tại ngày 31/12/2017 trên Báo cáo tài chính của Công ty, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty;

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.4 phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2018

**Thay mặt Hội đồng quản trị**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**Nguyễn Bá Sứng**

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2018

**Thay mặt Ban Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**

**Phan Cao Viên**

Số: 292 /BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.4**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Lilama 45.4 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22/3/2018, từ trang 06 đến trang 21, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Lilama 45.4 tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số IV.1 phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2017, tài sản ngắn hạn của Công ty nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 90,4 tỷ đồng, số lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2017 khoảng 138 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2017 âm khoảng 80,9 tỷ đồng. Những yếu tố này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào Ban Giám đốc Công ty có thể



thu xếp được các dòng tiền trong tương lai và thực hiện kế hoạch tái cơ cấu. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng báo cáo tài chính kèm theo của Công ty được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh liên tục, có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty trong tương lai gần.



---

**NGÔ QUANG TIÊN**

**Phó Tổng Giám đốc**

*Giấy CNĐKHNKT số 0448-2018-126-1*

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ  
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2018

---

**ĐẶNG NGỌC KHÁNH**

**Kiểm toán viên**

*Giấy CNĐKHNKT số 2505-2017-126-1*

102  
C  
RÁCH  
KIỂM  
HÀ  
VII  
INH

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>188.792.557.386</b>	<b>314.155.998.881</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.360.902.727</b>	<b>3.114.472.341</b>
1. Tiền	111	V.1	1.360.902.727	3.114.472.341
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>55.218.689.637</b>	<b>61.257.309.455</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	52.854.274.548	55.510.999.399
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.843.716.637	6.756.500.322
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	573.642.445	782.392.452
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.4	(3.052.943.993)	(1.792.582.718)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>132.212.965.022</b>	<b>249.784.217.085</b>
1. Hàng tồn kho	141		132.319.677.782	249.890.929.845
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(106.712.760)	(106.712.760)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>9.433.248.131</b>	<b>13.229.293.504</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.241.821.767</b>	<b>12.185.241.362</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	6.260.321.767	9.203.741.362
- Nguyên giá	222		62.694.098.415	63.228.343.170
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(56.433.776.648)	(54.024.601.808)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	2.981.500.000	2.981.500.000
- Nguyên giá	228		2.981.500.000	2.981.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>191.426.364</b>	<b>1.044.052.142</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	191.426.364	1.044.052.142
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>198.225.805.517</b>	<b>327.385.292.385</b>

051  
 NG  
 NHIỆM  
 TC  
 ĐỊ  
 T N  
 UAN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
 (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>279.222.160.581</b>	<b>295.066.663.803</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>279.222.160.581</b>	<b>295.066.663.803</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	46.783.509.088	54.483.683.799
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	13.953.949.597	21.696.330.926
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	7.992.734.418	10.823.064.458
4. Phải trả người lao động	314		14.010.884.718	21.982.014.780
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	12.643.593.694	10.215.960.775
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		2.941.409.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	52.724.806.003	41.380.587.171
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	127.842.927.404	134.143.675.235
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		328.346.659	341.346.659
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(80.996.355.064)</b>	<b>32.318.628.582</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>(80.996.355.064)</b>	<b>32.318.628.582</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.520.000.000	3.520.000.000
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(282.000.000)	(282.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.833.254.447	11.833.254.447
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.000.893.238	2.000.893.238
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(138.068.502.749)	(24.753.519.103)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(24.753.519.103)	1.617.207.815
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(113.314.983.646)	(26.370.726.918)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>198.225.805.517</b>	<b>327.385.292.385</b>

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Phan Cao Viên

774  
 TỶ  
 HỮU  
 AN  
 H C  
 AM  
 - T.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng  
Năm trước

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	60.841.876.561	152.650.128.907
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		60.841.876.561	152.650.128.907
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	155.077.105.871	162.222.722.272
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(94.235.229.310)	(9.572.593.365)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	47.858.041	1.836.309.761
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11.550.410.218	12.806.116.062
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.550.410.218	12.647.362.401
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.567.425.180	13.761.503.893
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(112.305.206.667)	(34.303.903.559)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.113.004.114	13.242.418.642
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.122.781.093	5.309.242.001
13. Lợi nhuận khác	40		(1.009.776.979)	7.933.176.641
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(113.314.983.646)	(26.370.726.918)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(113.314.983.646)	(26.370.726.918)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(28.471)	(6.626)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	(28.471)	(6.626)

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Phan Cao Viên

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Theo phương pháp trực tiếp

Năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Đơn vị tính: đồng Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	62.111.493.446	169.312.672.438
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(25.724.038.874)	(102.012.488.985)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(20.192.362.000)	(46.494.704.196)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(919.688.678)	(8.520.836.770)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(145.012.492)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	163.080.000	235.585.450
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(10.925.216.264)	(6.992.940.472)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4.368.255.138</b>	<b>5.527.287.465</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	174.900.000	15.275.400.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.240.642	636.472.490
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>179.140.642</b>	<b>15.911.872.490</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	20.713.950.866	106.922.166.198
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(27.014.698.697)	(127.734.331.419)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(6.300.747.831)</b>	<b>(20.812.165.221)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1.753.352.051)</b>	<b>626.994.734</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>3.114.472.341</b>	<b>2.487.477.607</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(217.563)</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>1.360.902.727</b>	<b>3.114.472.341</b>

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu



Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Phan Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Phan Cao Viên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2017

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Lilama 45.4 là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.4. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3600255703 ngày 14/8/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/9/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**2. Ngành nghề kinh doanh**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà);
- Bán buôn vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy; Bán buôn thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây truyền công nghệ, thang máy, vật liệu điện, máy móc thiết bị phụ tùng cơ khí;
- Bảo trì thang máy, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa các loại dung dịch lỏng;
- Lắp đặt thang máy; Lắp đặt thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa dung dịch lỏng; Lắp đặt hệ thống đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Chế tạo đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Buôn bán sắt thép; Bán buôn phế liệu (trừ phế liệu độc hại, phế thải nguy hại, phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật về môi trường);
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Xây dựng lắp đặt đường dây tải điện, trạm biến áp cao thế, trung thế, hạ thế;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (trừ xi mạ, không sản xuất tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng nhà các loại;
- Gia công cơ khí (trừ xi mạ, không gia công tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)/.

**3. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng lớn đến Báo cáo tài chính**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty so với cùng kỳ năm trước có biến động lớn. Cụ thể các biến động này, Công ty đã có Công văn giải trình với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và công bố thông tin theo quy định hiện hành tại Công văn số 02/CT-KTTC ngày 19/01/2018.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý khác theo qui định của nhà nước.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (đồng), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại ngày 31/12/2017, tài sản ngắn hạn của Công ty nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 90,4 tỷ đồng, số lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2017 khoảng 138 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2017 âm khoảng 80,9 tỷ đồng. Những yếu tố này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào Ban Giám đốc Công ty có thể thu xếp được các dòng tiền trong tương lai. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng báo cáo tài chính kèm theo của Công ty được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh liên tục, có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty trong tương lai gần là do Công ty đã đạt được kế hoạch tái cơ cấu tài chính, thu xếp được nguồn để tăng vốn thông qua chuyển nợ thành vốn góp của chủ nợ (Công ty Mua bán nợ Việt Nam- DATC), bù đắp lỗ lũy kế xóa nợ của DATC và tiếp tục triển khai các hợp đồng đang thực hiện.

Các nội dung trên được cụ thể hóa trong Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 29/01/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.4, với một số nội dung chính như sau:

- Tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ lên 82 tỷ: Tăng 42 tỷ đồng, tương đương 4.200.000 cổ phần phổ thông; Đối tượng nhận mua cổ phần phát hành tăng thêm là Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) thông qua việc chuyển nợ thành vốn góp cổ phần tỷ lệ 1:1, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
- Thống nhất việc thu hồi nợ và giám trừ trách nhiệm trả nợ (xóa nợ) của DATC cho Công ty cổ phần Lilama 45.4 trên cơ sở giá mua bán khoản nợ, số âm vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm tái cơ cấu.
- Ngoài ra, Công ty cũng dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 1 năm 2018 và cả năm 2018 với việc cải thiện doanh thu và có lợi nhuận dương.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không thực hiện trích khấu hao.

**6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định
- Chi phí chờ phân bổ khác;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.



Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận nợ vay

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Các khoản vay được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ. Khi lập BCTC số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay.

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả đo chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

#### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

#### **13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

#### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm là chi phí cho vay và đi vay vốn. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **15. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa dịch vụ của Công ty như: chi phí chào hàng, quảng cáo, giới thiệu...(không bao gồm bảo hành công trình xây dựng)

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty...

#### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **17. Các bên liên quan**

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		Đơn vị tính: đồng			
<b>1. Tiền</b>		31/12/2017	01/01/2017		
Tiền mặt		120.028.000	27.863.600		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		1.240.874.727	3.086.608.741		
<b>Cộng</b>		<b>1.360.902.727</b>	<b>3.114.472.341</b>		
<b>2. Phải thu khách hàng</b>		31/12/2017	01/01/2017		
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>					
- Viện NCTKKSCN Điện lực Quảng Tây		2.355.913.591	5.808.799.154		
- Viện Nghiên cứu Cơ Khí (NARIME)		12.541.989.836	11.183.726.179		
- CHALIECO - CT Bau xít nhôm Lâm Đồng		-	8.232.787.845		
- Cty TNHH XD-TM DL Công Lý		3.662.881.866	3.662.881.866		
- PASSAVANT ENERGY & ENVIRONMENT GMBH - Thủ Đức		2.679.323.710	3.195.704.320		
- Cty China Haisum - Dự án VKPC (Vina Kraft Bình Dương)		-	2.911.290.928		
- Các khách hàng khác		25.153.543.638	16.957.022.221		
<i>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>					
- Công ty CP Lilama 3		103.420.461	103.420.461		
- Công ty CP Lilama 3		1.828.333.085	2.860.255.000		
- Công ty CP Lilama 45.1		417.549.658	417.549.658		
- Công ty CP Lilama 45.3		3.185.886.935	-		
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP		925.431.768	177.561.767		
<b>Cộng</b>		<b>52.854.274.548</b>	<b>55.510.999.399</b>		
<b>3. Phải thu khác</b>		31/12/2017	01/01/2017		
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn		573.642.445	204.300.777	782.392.452	-
- Phải thu khác		223.187.777	204.300.777	334.859.777	-
- Tạm ứng		350.454.668	-	447.532.675	-
<b>Cộng</b>		<b>573.642.445</b>	<b>204.300.777</b>	<b>782.392.452</b>	<b>-</b>
<b>4. Nợ xấu</b>		31/12/2017	01/01/2017		
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>a) Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán</i>					
- Phải thu khách hàng		2.256.732.916	-	996.371.641	-
- Trả trước cho người bán		591.910.300	-	591.910.300	-
- Phải thu khác		204.300.777	-	204.300.777	-
<b>Cộng</b>		<b>3.052.943.993</b>	<b>-</b>	<b>1.792.582.718</b>	<b>-</b>
<b>5. Hàng tồn kho</b>		31/12/2017	01/01/2017		
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu		1.163.733.489	106.712.760	1.163.733.489	106.712.760
Công cụ, dụng cụ		84.128.831	-	144.347.087	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		131.071.815.462	-	248.582.849.269	-
<b>Cộng</b>		<b>132.319.677.782</b>	<b>106.712.760</b>	<b>249.890.929.845</b>	<b>106.712.760</b>

## 6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu kỳ	18.736.527.301	21.629.135.343	22.576.672.198	286.008.328	63.228.343.170
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	160.372.800	373.871.955	-	534.244.755
- Thanh lý, nhượng bán	-	160.372.800	373.871.955	-	534.244.755
Số dư cuối kỳ	18.736.527.301	21.468.762.543	22.202.800.243	286.008.328	62.694.098.415
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	14.158.675.916	20.210.221.656	19.436.973.140	218.731.096	54.024.601.808
Số tăng trong kỳ	922.469.832	545.338.363	1.272.705.922	29.892.036	2.770.406.153
- Khấu hao trong kỳ	922.469.832	545.338.363	1.272.705.922	29.892.036	2.770.406.153
Số giảm trong kỳ	-	130.372.800	230.858.513	-	361.231.313
- Thanh lý, nhượng bán	-	130.372.800	230.858.513	-	361.231.313
Số dư cuối kỳ	15.081.145.748	20.625.187.219	20.478.820.549	248.623.132	56.433.776.648
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	4.577.851.385	1.418.913.687	3.139.699.058	67.277.232	9.203.741.362
Tại ngày cuối kỳ	3.655.381.553	843.575.324	1.723.979.694	37.385.196	6.260.321.767

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5.838.027.640 đồng

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 28.798.067.776 đồng

## 7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
Số dư cuối kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
Tại ngày cuối kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000

## 8. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
- Sửa chữa tài sản cố định	-	370.502.900
- Tiền thuê đất-xưởng cơ khí	-	51.871.500
- Công cụ dụng cụ	191.426.364	621.677.742
<b>Cộng</b>	<b>191.426.364</b>	<b>1.044.052.142</b>

## 9. Phải trả người bán

	Giá trị	31/12/2017 Số có khả năng trả nợ	Giá trị	01/01/2017 Số có khả năng trả nợ
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
- Cty TNHH TMDV Hương Thái	3.336.302.599	3.336.302.599	4.436.302.599	4.436.302.599
- Cty CP TM&SX Thái Dương Anh	3.404.774.762	3.404.774.762	5.904.774.762	5.904.774.762
- Cty TNHH MTV cơ khí Chánh Hưng	2.454.827.152	2.454.827.152	4.054.827.152	4.054.827.152
- Các đối tượng khác	33.197.456.907	33.197.456.907	38.403.223.763	38.403.223.763
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
- Cty CP Lilama Thí nghiệm Cơ điện	73.336.300	73.336.300	73.336.300	73.336.300
- Cty CP Lilama 3	1.019.922.805	1.019.922.805	1.019.922.805	1.019.922.805
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (MTC + Nợ khác)	3.296.888.563	3.296.888.563	591.296.418	591.296.418
<b>Cộng</b>	<b>46.783.509.088</b>	<b>46.783.509.088</b>	<b>54.483.683.799</b>	<b>54.483.683.799</b>

## 10. Người mua trả tiền trước

	31/12/2017	01/01/2017
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
- Công ty CP trang thiết bị HANOI TC	688.937.288	-
- Công ty CP ĐTXD và TM Quốc Tế (ICT)	625.441.632	625.441.632
- Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	2.235.321.635	2.243.156.749
- Các khách hàng khác	254.127.193	171.805.267
<b>b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>		
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	9.850.121.849	18.355.927.278
- Công ty CP Lilama 69.2	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.953.949.597</b>	<b>21.696.330.926</b>

## 11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2017
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	4.633.544.726	3.909.901.468	6.529.260.419	2.014.185.775
Thuế thu nhập doanh nghiệp	145.012.492	-	145.012.492	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.560.634.059	50.119.000	805.000	1.609.948.059
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	94.501.776	-	-	94.501.776
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	4.389.371.405	-	115.272.597	4.274.098.808
<b>Cộng</b>	<b>10.823.064.458</b>	<b>3.960.020.468</b>	<b>6.790.350.508</b>	<b>7.992.734.418</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 12. Chi phí phải trả

	31/12/2017	01/01/2017
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay	1.011.740.592	1.011.740.592
Chi phí công trình Thủy điện Vĩnh Hà	7.349.682.000	7.598.489.636
Chi phí công trình Thủy điện An Khê - Ka Nak	-	951.562.047
Chi phí công trình Thủy điện Thác Mơ	1.267.265.550	70.611.000
Chi phí công trình Nhà máy Đường Đăk Lăk	1.742.180.039	-
Chi phí các công trình khác	1.272.725.513	583.557.500
<b>Cộng</b>	<b>12.643.593.694</b>	<b>10.215.960.775</b>

13. Phải trả khác	31/12/2017	01/01/2017
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	378.285.971	487.601.427
Bảo hiểm xã hội	11.392.269.750	6.970.102.265
Bảo hiểm thất nghiệp	145.951.718	2.925.704.506
Các khoản phải trả, phải nộp khác	40.808.298.564	30.997.178.973
- Cổ tức phải trả	6.766.000.000	6.766.000.000
- Nợ các đội công trình	15.020.968.293	16.794.549.589
- Quỹ Tình thương	257.835.180	251.123.180
- Lãi Vay	14.634.299.987	4.003.578.447
- Phải trả do quá hạn thanh toán tiền vay	693.306.347	-
- Tiền trợ cấp thôi việc phải trả	2.975.702.000	2.637.441.000
- Phải trả khác	460.186.757	544.486.757
<b>Cộng</b>	<b>52.724.806.003</b>	<b>41.380.587.171</b>

14. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2017				01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>127.842.927.404</b>	<b>127.842.927.404</b>	<b>147.606.878.270</b>	<b>153.907.626.101</b>	<b>134.143.675.235</b>	<b>134.143.675.235</b>
- Chi nhánh Cty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP. HCM <sup>(1)</sup>	126.892.927.404	126.892.927.404	126.892.927.404	-	-	-
- Ngân hàng Đầu tư và PT Đồng Nai <sup>(1)</sup>	-	-	20.713.950.866	153.907.626.101	133.193.675.235	133.193.675.235
- Vay cá nhân	950.000.000	950.000.000	-	-	950.000.000	950.000.000

<sup>(1)</sup> Toàn bộ khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai được chuyển qua Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP.HCM theo Hợp đồng mua bán nợ số 87/2017/HĐMBN ngày 28/12/2017 giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai và Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP.HCM; Biên bản xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP.HCM và Công ty cổ phần Lilama 45.4 ngày 28/12/2017.

## 15. Vốn chủ sở hữu

## a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	LNST chưa PP và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000	3.520.000.000	(282.000.000)	15.451.355.500	58.689.355.500
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-
Giảm vốn năm trước	-	-	-	26.370.726.918	26.370.726.918
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	26.370.726.918	26.370.726.918
Số dư cuối năm trước	40.000.000.000	3.520.000.000	(282.000.000)	(10.919.371.418)	32.318.628.582
Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	-
Giảm vốn năm nay	-	-	-	113.314.983.646	113.314.983.646
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	113.314.983.646	113.314.983.646
Số dư cuối kỳ	40.000.000.000	3.520.000.000	(282.000.000)	(124.234.355.064)	(80.996.355.064)

## b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
Vốn góp của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP	14.023.460.000	18.423.460.000
Vốn góp của cổ đông khác	25.976.540.000	21.576.540.000
<b>Cộng</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>

	Kỳ này	Kỳ trước
<i>c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức</i>		
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	40.000.000.000	40.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
<i>d) Cổ phiếu</i>	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	20.000	20.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000	20.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.980.000	3.980.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.980.000	3.980.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		
<b>16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
a) Ngoại tệ các loại		
- USD	104,14	58,40
<b>VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
		Đơn vị tính: đồng
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu của hợp đồng xây lắp được ghi nhận trong kỳ	39.330.892.573	118.932.348.400
<b>b) Doanh thu của hợp đồng xây lắp được ghi nhận trong kỳ với các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	16.461.543.052	33.717.780.507
Công ty CP Lilama 45.3	4.350.806.304	-
Công ty CP Lilama 3	698.634.632	-
<b>Cộng</b>	<b>60.841.876.561</b>	<b>152.650.128.907</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn hoạt động xây lắp	155.077.105.871	162.222.722.272
<b>Cộng</b>	<b>155.077.105.871</b>	<b>162.222.722.272</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.240.642	636.472.490
Lãi chênh lệch tỷ giá	43.617.399	1.199.837.271
<b>Cộng</b>	<b>47.858.041</b>	<b>1.836.309.761</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền vay	11.550.410.218	12.647.362.401
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	158.753.661
<b>Cộng</b>	<b>11.550.410.218</b>	<b>12.806.116.062</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	2.581.078.197	6.062.997.236
Chi phí quản lý khác	3.986.346.983	7.698.506.657
<b>Cộng</b>	<b>6.567.425.180</b>	<b>13.761.503.893</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>		
Thanh lý nhượng bán TSCĐ	27.077.467	12.948.121.403
Các khoản khác	1.085.926.647	294.297.239
<b>Cộng</b>	<b>1.113.004.114</b>	<b>13.242.418.642</b>
<b>7. Chi phí khác</b>		
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	1.161.542.450	898.223.212
Phạt vi phạm hành chính	-	2.868.059.251
Phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	-	188.507.742
Phạt trảm trả tiền vay	693.306.347	1.157.753.098
Các khoản khác	267.932.296	196.698.698
<b>Cộng</b>	<b>2.122.781.093</b>	<b>5.309.242.001</b>
<b>8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(113.314.983.646)	(26.370.726.918)
b/ Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) LN kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
c/ Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (=a+b)	(113.314.983.646)	(26.370.726.918)
d/ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (thực tế/tạm tính) trong kỳ <sup>(2)</sup>	-	-
e/ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.980.000	3.980.000
f/ Lãi cơ bản trên cổ phiếu $\{(c-d)/e\}$	(28.471)	(6.626)
g/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu $\{=(c-d)/e\}$	(28.471)	(6.626)
<sup>(2)</sup> Theo Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông số 01/2017/NQ-ĐHCD ngày 28/6/2017 thì không phân phối lợi nhuận năm 2016 do hoạt động kinh doanh đang bị lỗ. Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu không phải tính đến ảnh hưởng của việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi		
<b>9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.037.026.190	38.731.246.077
Chi phí nhân công	18.288.697.076	59.472.535.154
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.770.406.153	3.456.140.955
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.765.029.556	58.515.658.739
Chi phí khác bằng tiền	3.272.338.269	8.906.065.782
<b>Cộng</b>	<b>44.133.497.244</b>	<b>169.081.646.707</b>

11.00.2017



**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
1. Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn	Doanh thu thực hiện	16.461.543.052
		Thu tiền khối lượng	8.892.739.112
		Bù trừ công nợ	438.713.168
		Chi phí sử dụng cầu, điện, nước...	418.676.388
2. Công ty cổ phần Lilama 45.3	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Doanh thu thực hiện	4.350.806.304
		Thu tiền khối lượng	700.000.000
		Bù trừ công nợ	900.000.000
3. Công ty cổ phần Lilama 3	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Doanh thu thực hiện	698.634.632

**Tiền lương, thù lao**

Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị

Tiền lương, thù lao Ban kiểm soát, thư ký

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị	397.277.000	702.459.000
Tiền lương, thù lao Ban kiểm soát, thư ký	227.875.000	316.187.000

Theo Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông số 01/2017/NQ-ĐHCD ngày 28/6/2017 thì Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị sẽ không được nhận thù lao trong năm 2017.

**3. Báo cáo bộ phận**

Hiện tại, hoạt động của Công ty là kinh doanh trong các khu vực địa lý không có khác biệt lớn về điều kiện sản xuất kinh và loại hình kinh doanh xây lắp là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

**4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phan Thị Thanh Thủy

Phan Thị Thanh Thủy

Phan Cao Viên